Công ty Phát triển hạ tầng các KCN Tiền Giang

BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI QUÝ 2 NĂM 2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	**Tổng số thu được để lại**	**3.789,00**	
I	**Thu hoạt động thường xuyên**	**1.664,00**	
	- Thu tiền: Bến bãi; Thu tiền các PT vận tải, hàng rong, MB và khác; Thu tiền cho thuê nhà kho; Thu tiền Khu DV công nhân CCN Trung An (Kiot); Thu tiền cây nước, xe đậu, bến bãi; Thu tiền QLĐH CCN.	1.664,00	
II	**Thu hoạt động xử lý nước thải KCN Mỹ Tho**	**2.125,00**	
III	**Các khoản nộp vào Ngân sách Nhà nước**	**2.184,00**	
	- Nộp tiền, khấu hao HT, bến bãi; Nộp tiền thuê đất KCN, CCN, GTGT	2.184,00	
IV	**Chi HĐ thường xuyên và HĐ xử lý nước thải KCN**	**2.698,00**	
1	**Chi cho người lao động**	**1.154,73**	
	- Tiền lương, phụ cấp lương	384,91	
	- Tiền công	389,40	
	- Mục 6100: Phụ cấp lương	107,70	
	- Các khoản đóng góp	185,22	
	- Mục 6400: Các khoản TT khác (Tiền ăn)	87,50	
2	**Chi quản lý hành chính**	**672,86**	
	- Thanh toán DV công cộng	**321,66**	
	+ Thanh toán tiền điện	301,34	
	+ Thanh toán tiền nước	7,21	
	+ Thanh toán tiền nhiên liệu	13,11	
	- Văn phòng phẩm	**26,03**	
	+ Văn phòng phẩm	13,39	
	+ Công cụ dụng cụ (gồm PB CCDC dưới 10 triệu)	1,30	
	+ Vật tư văn phòng khác	11,35	
	- Thông tin liên lạc	**40,65**	
	+ Cước điện thoại trong nước	6,44	
	+ Cước phí bưu chính	0,43	
	+ Khoán điện thoại	28,18	
	+ Dịch vụ internet	5,61	
	- Mục 6700: Công tác phí	**47,60**	
	+ Mục 6701: Tiền vé máy bay, tàu, xe	1,10	
	+ Mục 6702: Phụ cấp công tác phí	4,10	
	+ Mục 6703: Thuê phòng nghỉ	5,40	

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	+ Mục 6704: Khoán công tác phí	37,00	
	- SC thường xuyên văn phòng Cty, SC nhỏ máy móc thiết bị NMXLNT	**236,92**	
	+ Sửa chữa xe ô tô	2,27	
	+ Các thiết bị công nghệ thông tin	9,29	
	+ Tài sản và thiết bị văn phòng	3,00	
	+ Đường điện, cấp thoát nước	29,09	
	+ Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	193,27	
3	**Chi hoạt động nghiệp vụ**	**174,38**	
	- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	**2,56**	
	+ Đồng phục, trang phục, bảo hộ LĐ	2,56	
	+ Chi phí chuyên môn khác	**171,82**	
	Chi tiền hoá chất, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, tiền thu gom vận chuyển rác thải, chi chuyên môn khác...	171,82	
4	**Chi khác**	**163,21**	
	- Chi khác	**158,35**	
	+ Phí và lệ phí	42,06	
	+ Chi tiếp khách	97,47	
	+ Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	18,82	
	- Mục 7850: Chi cho công tác đảng tổ chức đảng cơ sở	**4,86**	
	+ Mục 7899: Khác	4,86	
5	**Chi tạm nộp thuế TNDN**	**227,00**	
6	**Chi trích khấu hao TSCĐ**	**305,81**	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**34,03**	
1	**Nguồn ngân sách trong nước**	**34,03**	
	- Chi hoạt động kinh tế	**34,03**	
	+ Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	+ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	34,03	
	+ Tiền điện chiếu sáng KCN Mỹ Tho	*15,53*	
	+ Tiền xăng phục vụ dọn vệ sinh, tuần tra KCN Mỹ Tho	*8,20*	
	+ Tiền mua thuốc xịt cỏ phục vụ KCN Mỹ Tho	*4,95*	
	+ Phân tích mẫu nước thải quý 1 KCN Mỹ Tho	*5,35*	

Ngày 15 tháng 07 năm 2024

Lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Diễm Phúc	Võ Văn Dũng	Nguyễn Thanh Vũ

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG
CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TIỀN GIANG

Đơn vị: Công ty Phát triển hạ tầng các KCN Tiền Giang

Chương: 505

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức dược ngân sách nhà nước hỗ trợ

Công ty Phát triển hạ tầng các KCN Tiền Giang công khai tình hình thực hiện dự toán thu- chi ngân sách quý 2 năm 2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý 2 năm 2024	Thực hiện quý 2 năm 2024/Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 2 năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách**				
I	**Số thu phí, lệ phí, thu khác**	**13.345**	**3.789**	**28,39%**	**115,20%**
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu hoạt động sự nghiệp, cung ứng dịch vụ	13.345	3.789	28,39%	115,20%
	Thu hoạt động kinh doanh, dịch vụ *(Cho thuê bến bãi, nhà kho, Ki ốt, xử lý nước thải, xe ra vào KCN, CCN, cửa hàng dịch vụ, dịch vụ cung cấp nước sạch)*	*13.345*	3.789	28,39%	115,20%
II	**Chi từ nguồn thu được để lại**	**11.978**	**2.698**	**22,59%**	**125,78%**
1	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí	**0**	**0**	**0**	
1.1	*Chi sự nghiệp kinh tế khác*	*0*	*0*	*0*	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
1.2	*Chi quản lý hành chính*	*0*	*0*	*0*	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	*Chi hoạt động sự nghiệp, cung ứng dịch vụ*	*11.945*	*2.698*	*22,59%*	*125,78%*
2.1	*Chi sự nghiệp kinh tế khác*	*11.945*	*2.698*	*22,59%*	*125,78%*
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.945	2.698	22,59%	125,78%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	*Chi quản lý hành chính*				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	**Chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ**				
III	**Số nộp ngân sách nhà nước**	**8.574**	**2.184**	**25,47%**	**48,61%**
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ (đất, hạ tầng, thuế GTGT)	8.574	2.184	25,47%	48,61%
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**1.319**	**34,03**	**2,58%**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**1.319**	**34,03**	**2,58%**	
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý 2 năm 2024	Thực hiện quý 2 năm 2024/Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 2 năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
6	Chi hoạt động kinh tế	**1.319**	*34,03*	*2,58%*	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	**Nguồn vốn viện trợ**				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Tiền Giang, ngày 15 tháng 07 năm 2024

Giám đốc

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG
CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TIỀN GIANG

Nguyễn Thanh Vũ